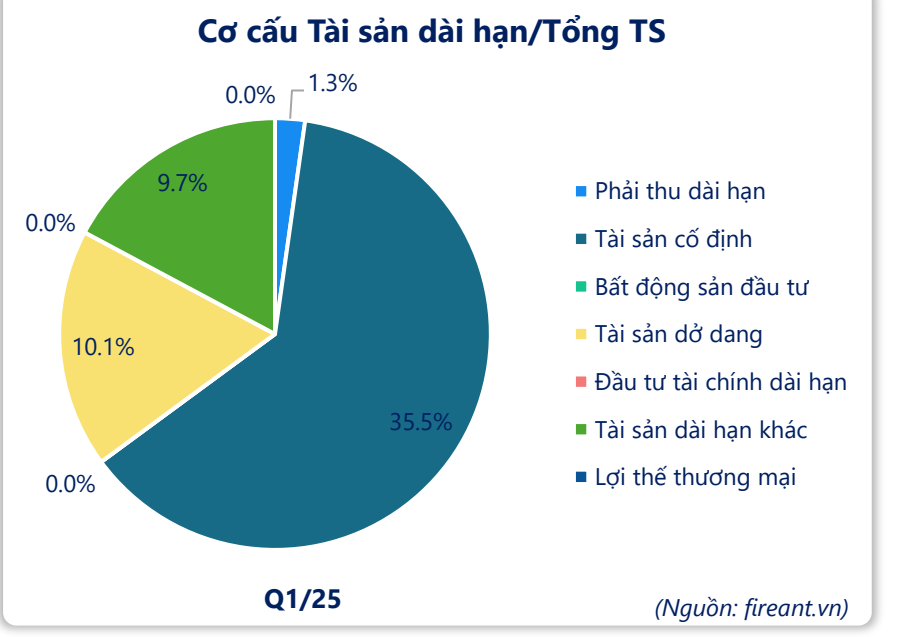
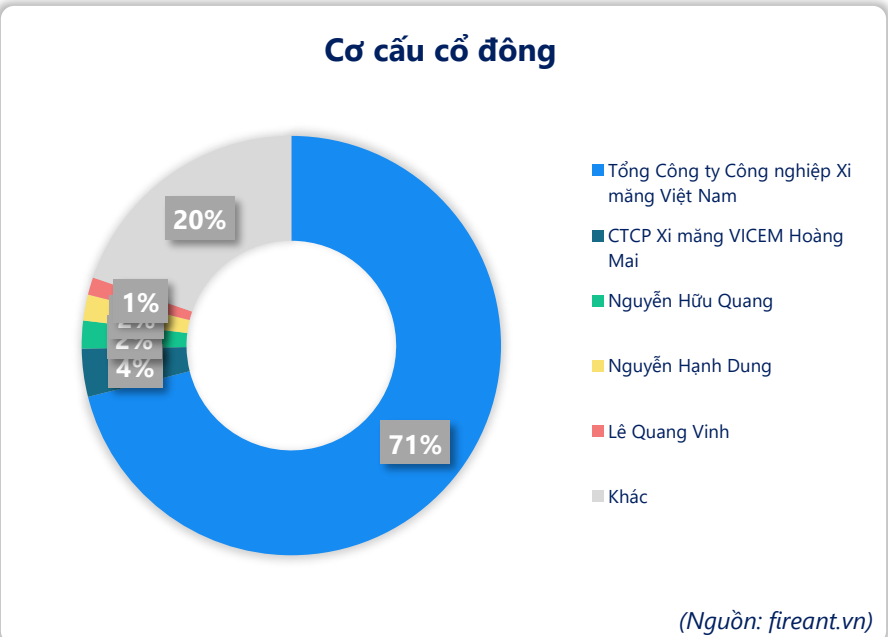
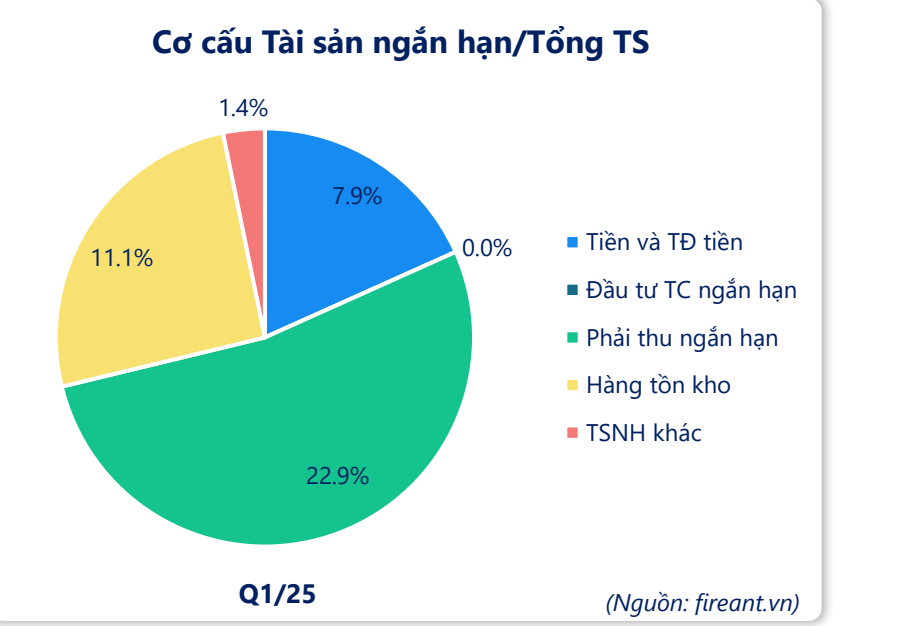
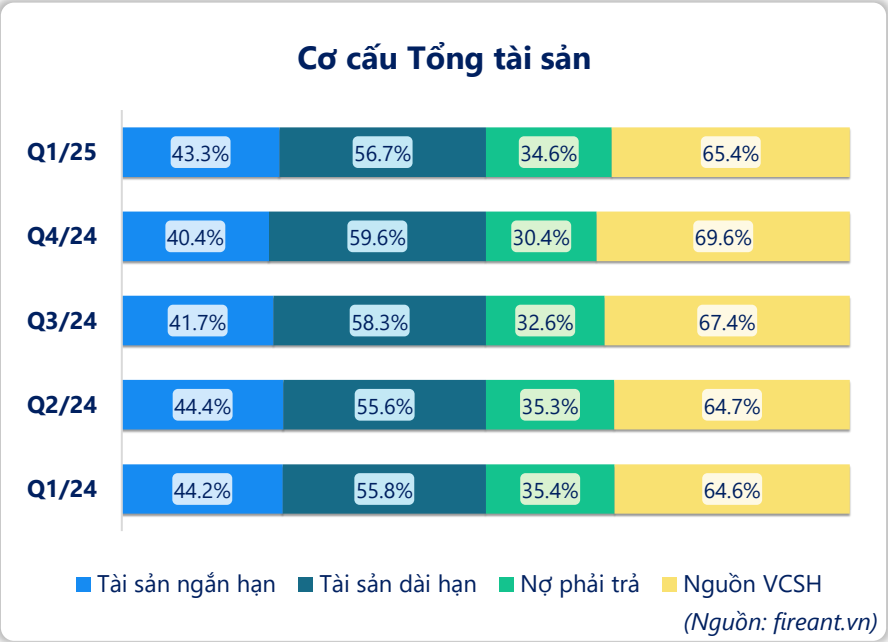
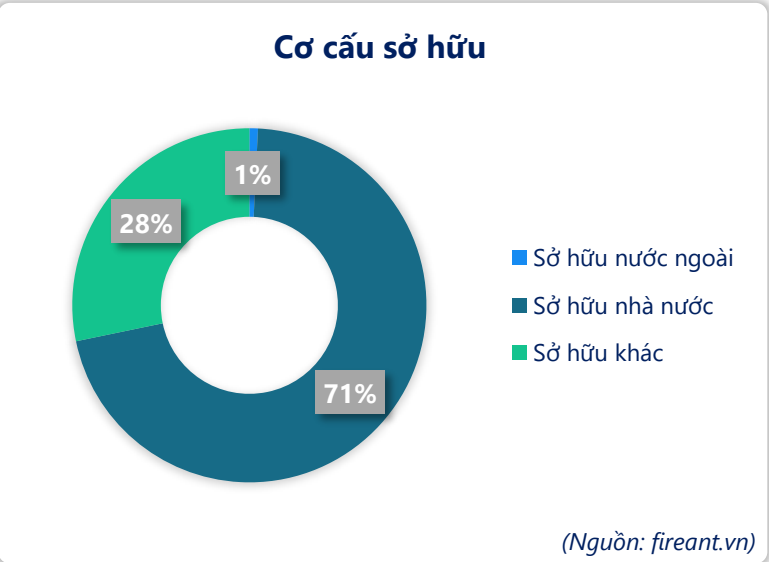
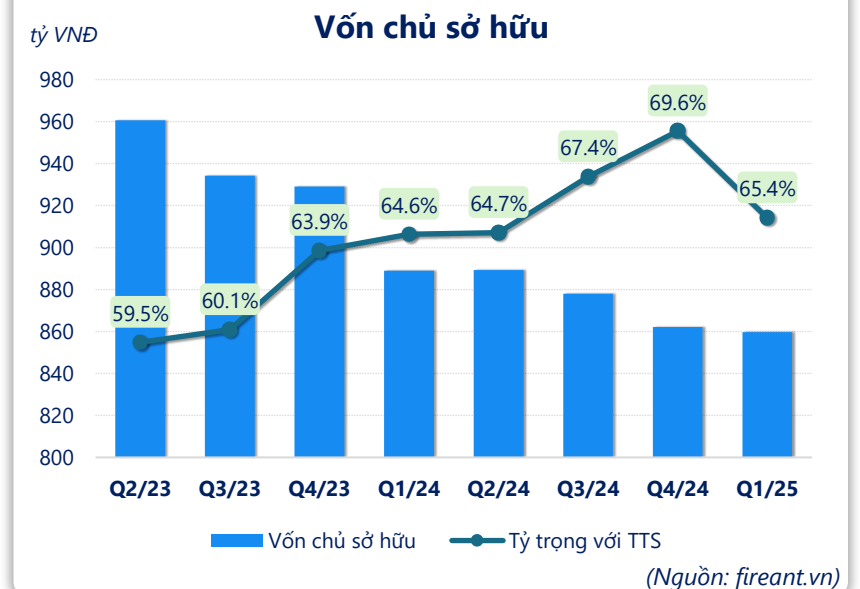
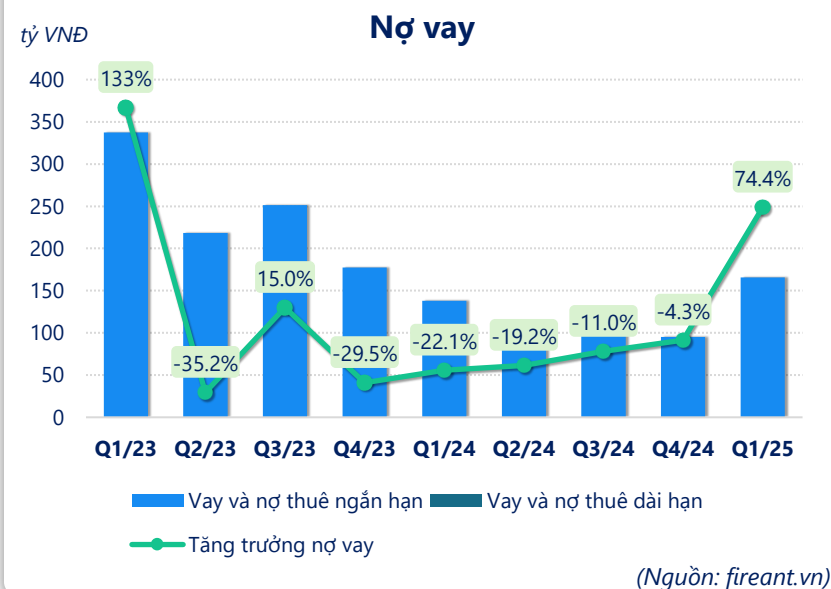
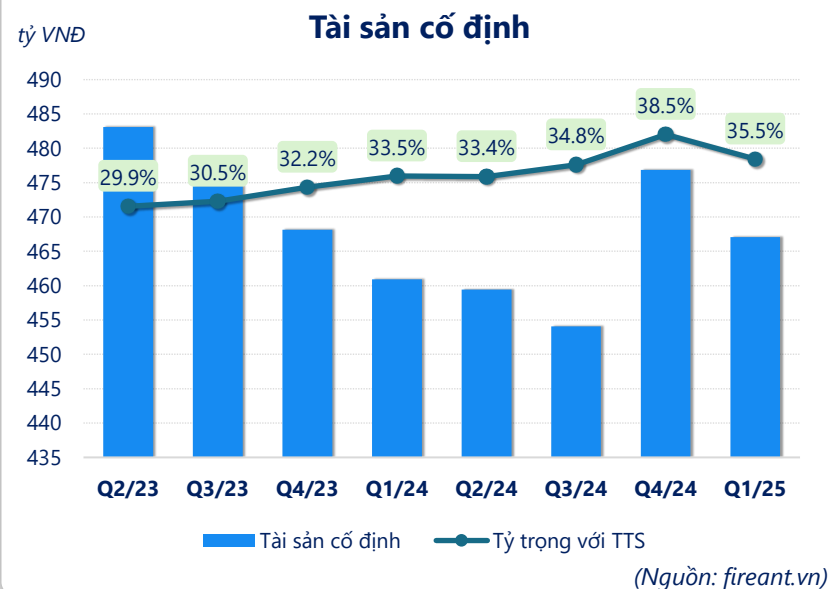
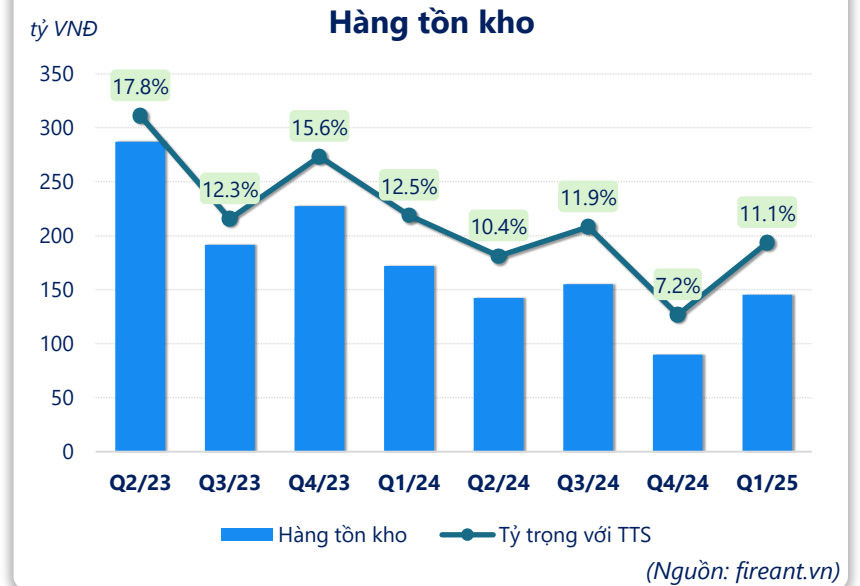
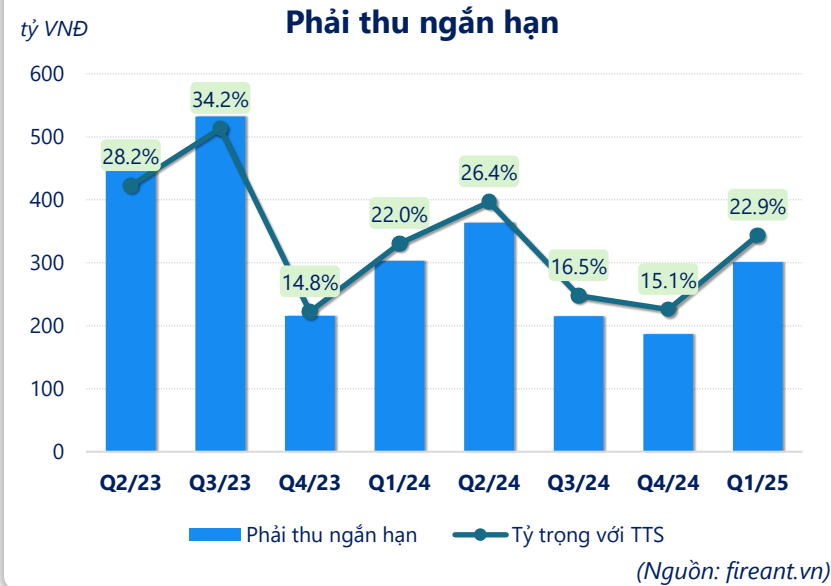
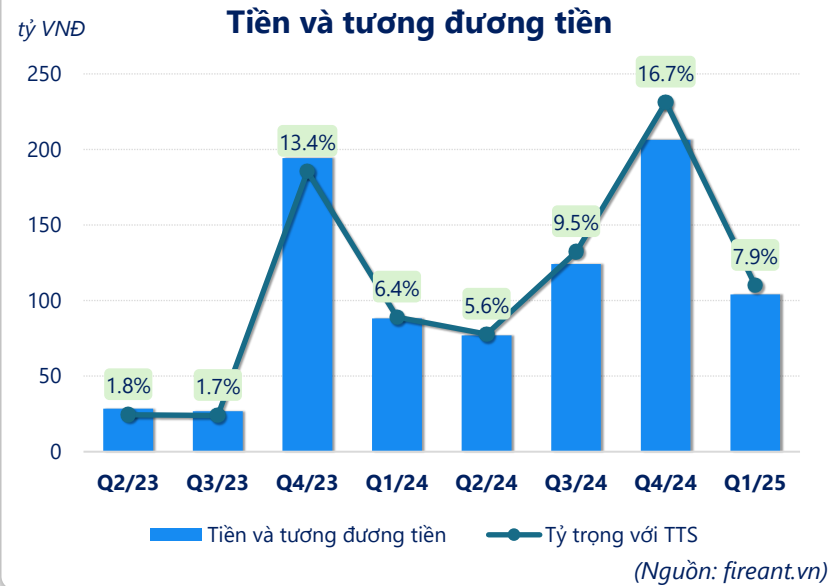
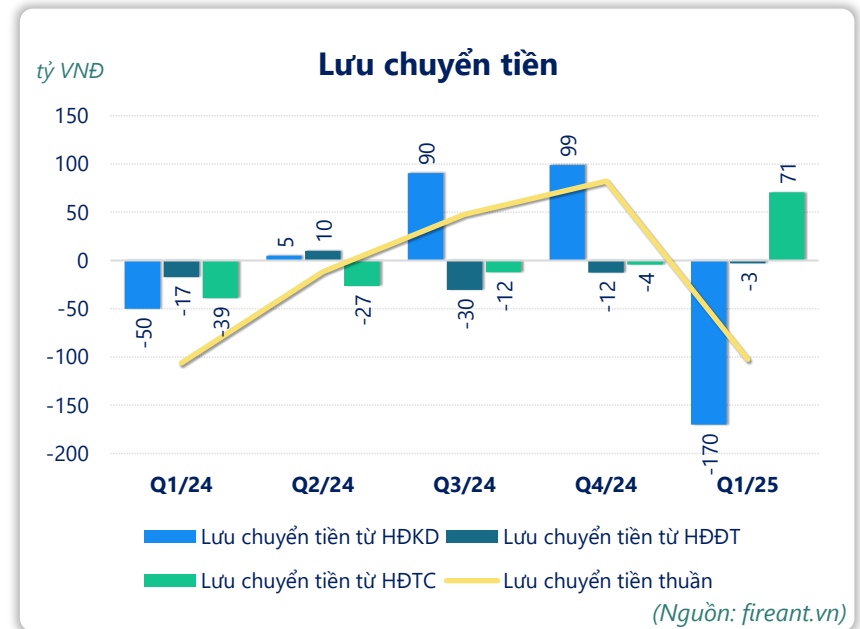
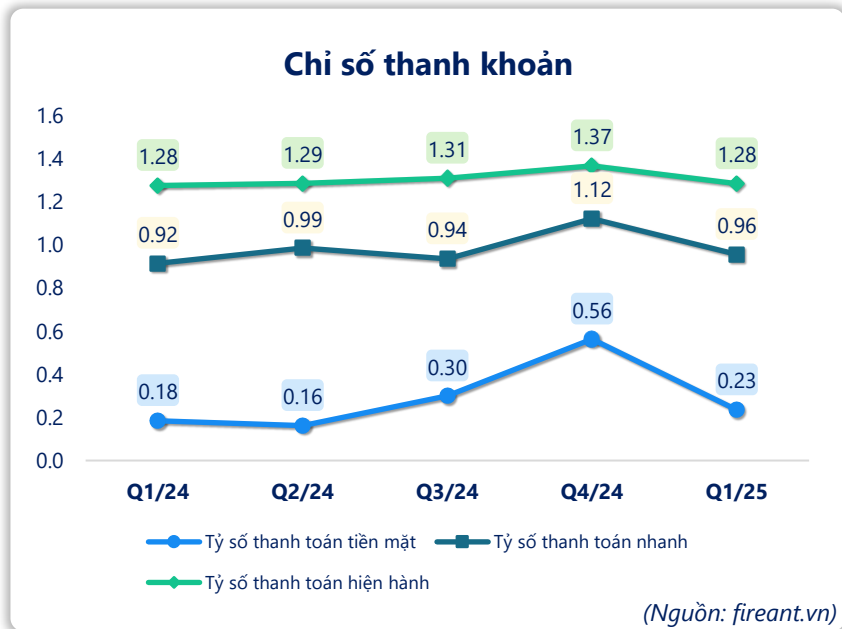
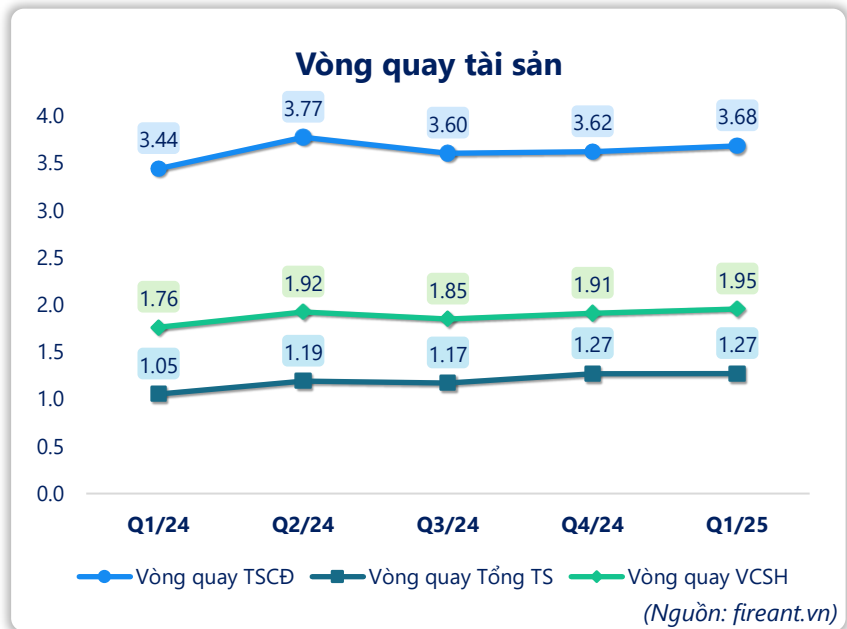
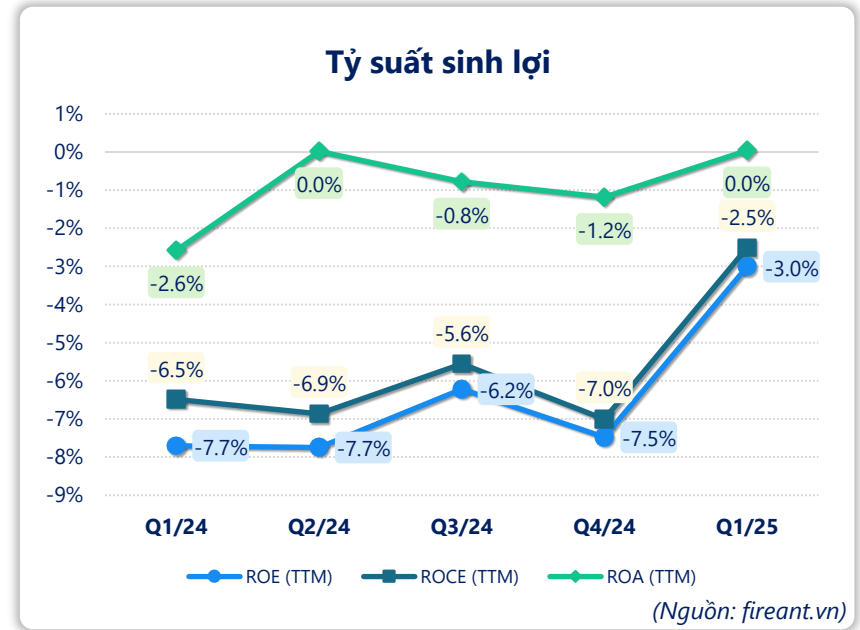
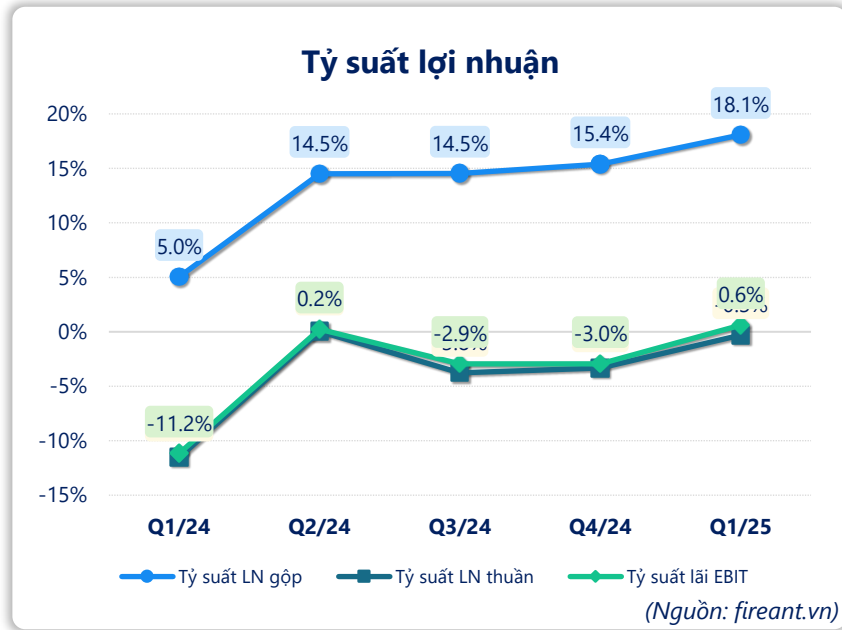
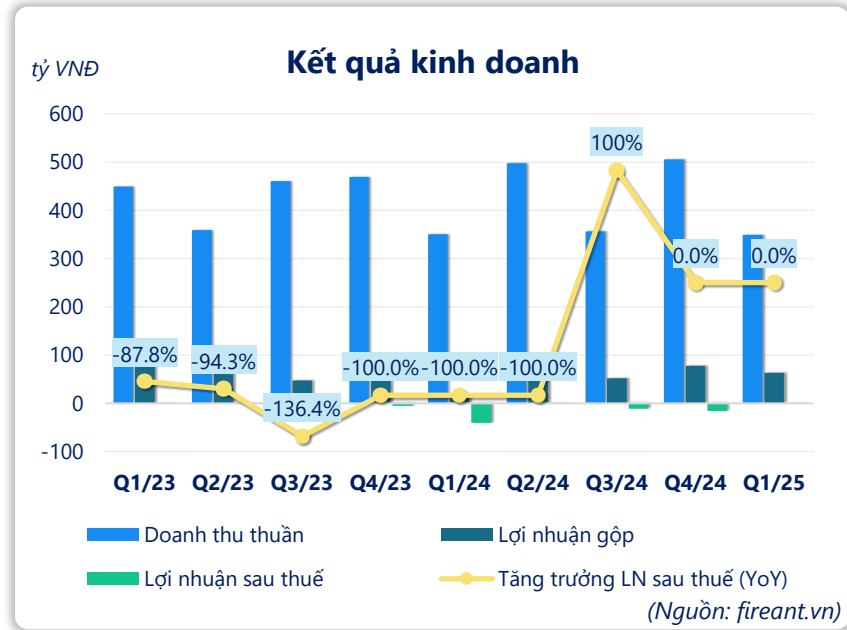


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,600
SL cổ phiếu LH		71,997,731
KLGD BQ 20 phiên (CP)		15,935
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		281
P/E		-10.7
EPS		-365

	YTD	1T	3T	6T
HOM	5.4%	-2.5%	8.3%	-2.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,314	1,240	6.0%
Tài sản ngắn hạn	569	501	13.6%
Tiền và tương đương tiền	104	206	-49.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	301	187	61.4%
Hàng tồn kho	145	89.8	61.9%
Tài sản ngắn hạn khác	18.3	18.2	0.9%
Tài sản dài hạn	745	738	0.9%
Phải thu dài hạn	16.7	15.5	7.3%
Tài sản cố định	467	477	-2.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	133	120	11.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	128	126	1.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	455	380	19.6%
Nợ ngắn hạn	443	369	20.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	166	95.0	74.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	194	162	19.9%
Nợ dài hạn	11.5	11.0	3.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	860	859	0.1%
Vốn chủ sở hữu	860	859	0.1%
Vốn điều lệ	748	748	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	350	497	356	506	349
Giá vốn hàng bán	333	425	304	428	286
Lợi nhuận gộp	17.7	72.2	51.7	77.8	63.1
Doanh thu HĐTC	1.17	1.28	0.29	1.57	1.85
Chi phí TC	1.03	0.82	1.32	0.50	1.59
Chi phí lãi vay	1.03	0.82	0.69	1.00	1.59
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	35.3	52.8	44.5	65.6	42.7
Chi phí QLDN	22.9	19.6	19.6	30.2	21.7
LN thuần từ HĐKD	-40.4	0.17	-13.4	-16.9	-1.06
Lợi nhuận khác	0.26	0.10	2.21	0.95	1.59
LN trước thuế	-40.2	0.27	-11.2	-15.9	0.53
Lợi nhuận sau thuế	-40.2	0.27	-11.2	-15.9	0.53
LNST của CĐ cty mẹ	-40.2	0.27	-11.2	-15.9	0.53

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-50.0	4.98	90.5	99.0	-170
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-17.1	10.0	-30.3	-12.5	-2.88
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-39.2	-26.6	-12.3	-4.28	70.7
Tiền đầu kỳ	194	88.2	76.9	124	206
Lưu chuyển tiền thuần	-106	-11.6	47.9	82.2	-102
Ảnh hưởng tỷ giá	0.23	0.27	-0.63	0.00	0.04
Tiền cuối kỳ	88.2	76.9	124	206	104

(Nguồn: fireant.vn)